

Số: 181/2020/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 267/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: ngõ V, phường V, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

+ Chị **Đào Mai L**, sinh năm 1979; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: ngõ V, phường V, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Minh T và chị Đào Mai L chung sống tự nguyện từ cuối năm 1998, có đăng ký kết hôn ngày 23/5/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội. Nay anh T, chị L cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T, chị L xác nhận vợ chồng có 03 con chung là: Nguyễn Thu T, sinh ngày 13/12/1999; Nguyễn Thu T1, sinh ngày 27/10/2003 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 21/6/2011. Ly hôn, anh chị tự nguyện thỏa thuận: cháu Nguyễn Thu T đã thành niên, việc ở với bố hoặc mẹ do cháu tự quyết định; cháu Nguyễn Thu T1 và Nguyễn Minh T do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con do thu nhập thấp.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh T, chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh T, chị L xác nhận vợ chồng không có khoản nợ nào chung (không vay nợ ai và không cho ai vay nợ) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh T, chị L tự nguyện thỏa thuận để anh T nộp cả tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ngoài các yêu cầu trên, anh T, chị L không yêu cầu Toà án giải quyết bất cứ yêu cầu nào khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh T và chị Đào Mai L.

- Về con chung: Anh T, chị L xác nhận vợ chồng có 03 con chung là: Nguyễn Thu T, sinh ngày 13/12/1999; Nguyễn Thu T1, sinh ngày 27/10/2003 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 21/6/2011. Ghi nhận sự thoả thuận tự nguyện của anh chị: cháu Nguyễn Thu T đã thành niên, việc ở với bố hoặc mẹ do cháu tự quyết định; cháu Nguyễn Thu T1 và Nguyễn Minh T do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thay thế.

Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh T, chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh T, chị L xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thoả thuận tự nguyện của anh T, chị L để anh T nộp cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014162 ngày 25/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**VŨ LỆ QUYÊN**